

Số: 265 /KH- THCN

Chánh Nghĩa, ngày 25 tháng 9 năm 2024

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU,
CHI NGOÀI NGÂN SÁCH
Năm học 2024 – 2025**

I. Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương về Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 16/8/2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về Kế hoạch khung thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trường học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

- Thông tư số: 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành kèm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh).

- Thông tư số 04/2014/TT – BGDDT ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Công văn số 909/BGDĐT-GHTH ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo V/v Hướng dẫn tổ chức hoạt động Giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học.

- Hướng dẫn số 01/HD-GDDT-LĐTĐ&XH-BHXH ngày 12/8/2024, Hướng dẫn liên ngành thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

II. Quy mô trường lớp NH 2023-2024

+ Hạng trường : 01

+ Tổng số CB-GV-GNV : 59 người

+ Tổng số GV-NV hợp đồng ngoài khoán : 01 người

+ Tổng số nhân viên trường hợp đồng thuê mượn: 11 người

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước chi trả : 60 người

- Từ nguồn thu thỏa thuận với PHHS : 11 người



+ Tổng số lớp : 31 lớp

Trong đó :

- Số lớp học 1 buổi/ngày : 0 lớp
- Số lớp học 2 buổi/ngày : 31 lớp
- Số lớp tham gia bán trú : 19 lớp

+ Tổng số học sinh toàn trường : 1.092 học sinh

Trong đó :

- Học sinh học lớp 1 buổi/ngày : 0 học sinh
- Học sinh học lớp 2 buổi/ngày : 1.192 học sinh
- Học sinh học tham gia bán trú : 654 học sinh
- Thực hiện chương trình:

III. Các khoản thu trong năm học 2024-2025

1. Thu hộ:

* Bảo hiểm y tế :

Thực hiện theo văn bản số 01/HD-GDĐT-LĐTĐ&XH-BHXH ngày 12/8/2024, Hướng dẫn liên ngành thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025

* Thu 3 tháng năm 2023 : (Đối với học sinh lớp 1 (thu theo tháng sinh của HS lớp 1) và học sinh chưa có thẻ BHYT)

Khối lớp 1	Mức thu đồng/tháng	Số tháng thu	Số tiền thu	Ghi chú
Học sinh có ngày sinh từ ngày 01/01/2018 đến 01/10/2018	73.710	3	221.130	Hạn thẻ từ ngày 01/10/2024-31/12/2024
Học sinh có ngày sinh từ ngày 02/10/2018 đến 01/11/2018	73.710	2	147.420	Hạn thẻ từ ngày 01/11/2024-31/12/2024
Học sinh có ngày sinh từ ngày 02/11/2018 đến 01/12/2018	73.710	1	73.710	Hạn thẻ từ ngày 01/12/2024-31/12/2024
Học sinh có ngày sinh từ ngày 02/12/2018 đến 31/12/2018	Không thu do còn sử dụng thẻ BHYT dành cho trẻ em			

- Hạn thẻ Bảo hiểm y tế từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 12/9/2024

* Thu năm 2024: (Đối với khối 1, 2, 3, 4, 5)



- + Mức thu : 73.710 đồng /HS/tháng x 12 tháng = 884.520 đồng
- + Hạn thẻ Bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.
- + Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 21/11/2024

2. Về nội dung thu-chi theo khoản 3 và 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND:

2.1. Tiền dạy học buổi 2 :

- + Số tiết ngoài chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4:
- + Số tiết ngoài chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5:

Căn cứ theo thời khóa biểu của từng khối lớp :

STT	Lớp	Tuần học	Số tiết theo CT GDPT 2018	Tổng số số tiết thực hiện/tuần	Số tiết ngoài chương trình (tính thu tiền dạy học buổi 2)
1	Một	Tuần 1-9	26 tiết (tr.đó 5 tiết BM)	35 tiết/tuần	9 tiết/tuần
		Tuần 10-35	28 tiết (tr.đó 7 tiết BM)	35 tiết/tuần	7 tiết/tuần
2	Hai	Tuần 1-35	28 tiết (tr.đó 7 tiết BM)	35 tiết/tuần	7 tiết/tuần
3	Ba	Tuần 1-35	28 tiết (tr.đó 9 tiết BM)	35 tiết/tuần	7 tiết/tuần
4	Bốn	Tuần 1-35	30 tiết (tr.đó 9 tiết BM)	40 tiết/tuần	10 tiết/tuần
5	Năm	Tuần 1-35	30 tiết (tr.đó 9 tiết BM)	40 tiết/tuần	10 tiết/tuần

Số tiết ngoài chương trình (không bao gồm các tiết dạy có liên kết trong giờ chính khóa như: các lớp Tiếng Anh ISMART)

+ **Mức thu: 4.000 đ/học sinh/tiết**

+ Mức thu bình quân hàng tháng đối với 01 học sinh

Khối	Tuần học	Số tiết ngoài chương trình (tính thu tiền dạy học buổi 2)	Mức thu 1 tuần /HS (=Số tiết ngoài chương trình x mức thu 1 tiết)	Số tuần theo PPCT	Tổng thu (=Mức thu 1 tuần x số tuần)	Mức thu bình quân /tháng/HS (=Tổng thu : 9 tháng)
MỘT	Tuần 1-9	81	36.000	9	324.000	116.888
	Tuần 10-35	182	28.000	26	728.000	
HAI	Tuần 1-35	245	28.000	35	980.000	108.888
BA	Tuần 1-35	245	28.000	35	980.000	108.888

BÓN	Tuần 1-35	350	40.000	35	1.400.000	155.555
NĂM	Tuần 1-35	350	40.000	35	1.400.000	155.555

Làm tròn cột Mức thu bình quân/tháng/HS cụ thể như sau:

- + Mức thu đối với học sinh lớp 1: 117.000 đồng/ tháng/HS
- + Mức thu đối với học sinh lớp 2: 109.000 đồng/ tháng/HS
- + Mức thu đối với học sinh lớp 3: 109.000 đồng/ tháng/HS
- + Mức thu đối với học sinh lớp 4: 156.000 đồng/ tháng/HS
- + Mức thu đối với học sinh lớp 5: 156.000 đồng/ tháng/HS

- Hình thức thu : *thu theo từng tháng*
- Thời gian thực hiện thu : *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng*
- Mức thu tiền tăng tiết buổi 2 cụ thể từng tháng như sau:

TT	Tháng	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	9/2023 (4 tuần)	144.000	112.000	112.000	160.000	160.000
2	10/2023 (5 tuần)	180.000	140.000	140.000	200.000	200.000
3	11/2023 (4 tuần)	120.000	112.000	112.000	160.000	160.000
4	12/2023 (4 tuần)	112.000	112.000	112.000	160.000	160.000
5	01/2024 (4 tuần)	112.000	112.000	112.000	160.000	160.000
6	02/2024 (4 tuần)	112.000	112.000	112.000	160.000	160.000
7	03/2024 (4 tuần)	112.000	112.000	112.000	160.000	160.000
8	04/2024 (4 tuần)	112.000	112.000	112.000	160.000	160.000
9	05/2024 (3 tuần)	84.000	84.000	84.000	120.000	120.000

*** Ghi chú:** Do thời gian học sinh tập trung học 2 buổi từ 4/9/2024 và sau kết thúc học kỳ I giáo viên vẫn quản lý và tổ chức hoạt động ngoài giờ cho các em học sinh nên số tuần thực tế có tăng 1 tuần ở tháng 9.

2.2. Tiền vệ sinh trường lớp:

- Đối tượng thu : Học sinh khối lớp 1,2,3,4,5
- Mức thu : 11.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu : *thu theo từng tháng*
- Thời gian thực hiện thu : *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng*



2.3. Tiền phục vụ bán trú (đối với HS bán trú trường tổ chức nấu ăn)

- Mức thu : 145.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu : *thu theo từng tháng*
- Thời gian thực hiện thu : *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng*

3. Đối với các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục do các đơn vị bên ngoài cung ứng.

3.1. Tiền mua thực phẩm để nấu ăn /suất ăn(đối với HS bán trú)

- Mức thu : 32.000 đồng/HS/ngày
- Hình thức thu : *thu theo từng tháng*
- Thời gian thực hiện thu: *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng*
- Tên đơn vị/ công ty cung cấp thực phẩm chính cho trường: Công ty TNHH TM Phú Cường An Nghiệp; Công ty TNHH MTV thực phẩm Nguyên Thành Đạt; Công ty TNHH TMDV Hawaii; Cơ sở bánh SUMI; Công ty TNHH Đầu tư sản xuất thương mại thực phẩm Tân Thiên Ân; Công ty TNHH thương mại thực phẩm Hoàng Ngọc; Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nhựt Hải Anh; Công ty TNHH SXTM Tân Minh; Công Ty cổ phần Thịnh Phát; Công Ty TNHH SX TM Đầu tư Hoàng Phát Food.

3.2. Tiền tổ chức các lớp ngoại ngữ, năng khiếu :

3.2.1. Học sinh tham gia Bơi (chỉ dành cho học sinh đăng ký tham gia học):

- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Hồ bơi Thế Cường
- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Xe đưa rước từ trường đến hồ bơi, thời gian học cuối buổi chiều trong tuần (2 buổi/tuần)
- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 03/12/2024
- Mức thu : 700.000 đồng/HS/Khoá học (12 buổi)
- Hình thức thu : *Thu theo khoá học.*

3.2.2. Học sinh tham gia học song ngữ

- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Trung tâm ISMART
- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Học 2 buổi/tuần trong ngày (mỗi buổi 2 tiết).
- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/5/2025
- Mức thu : 600.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu: *Thu theo từng tháng*
- Thời gian thực hiện thu : *Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng*

3.2.3. Học sinh tham gia lớp kỹ năng sống:



- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục quốc tế GAIA

- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Học 1 tiết/ tuần vào cuối buổi chiều trong ngày.

- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/5/2025

- Mức thu : 60.000 đồng/HS/tháng

- Hình thức thu: Thu theo từng tháng

- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng

3.2.4. Học sinh tham gia hoạt động giao dục STEM+:

- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục quốc tế GAIA.

- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Học 1 tiết/ tuần vào cuối buổi chiều trong ngày.

- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/5/2025

- Mức thu: 80.000 đồng/HS/tháng (gồm tiền đồ dùng học tập và tiền học phí)

- Hình thức thu : Thu theo từng tháng

- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng

3.2.5. Học sinh tham gia hoạt động Câu lạc bộ Aerobic:

- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Công ty H123.

- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Học 1 tiết/ tuần vào cuối buổi chiều trong ngày.

- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/5/2025

- Mức thu: 90.000 đồng/HS/tháng

- Hình thức thu : Thu theo từng tháng

- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng

3.2.6. Học sinh tham gia hoạt động Câu lạc bộ Âm nhạc:

- Thực hiện ký liên kết với đơn vị: Giáo viên Âm nhạc trường tiểu học Chánh Nghĩa

- Hình thức tổ chức, thời gian học cụ thể: Học 1 tiết/ tuần vào cuối buổi chiều trong ngày.

- Thời gian hợp đồng : Dự kiến từ ngày 03/10/2024 đến ngày 31/5/2025

- Mức thu: 30.000 đồng/HS/tháng

- Hình thức thu : Thu theo từng tháng

- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng



1. Thu hộ - Chi hộ : Các khoản thu mang tính chất thu hộ - chi hộ để mua sắm phục vụ trực tiếp cho học sinh học tập, sinh hoạt như :

1.1- Bảo hiểm y tế :

* **Thu 3 tháng 10+11+12/2024 :** đối với học sinh lớp 1 (thu theo tháng sinh của HS lớp 1 và học sinh chưa có thẻ BHYT):

- Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 16/09/2024

* **Thu năm 2024 :** (đối với khối 1,2,3,4,5)

- Mức thu : 73.710 đồng /HS/tháng x 12 tháng = 884.520 đồng

- Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 15/12/2024 làm thủ tục gia hạn thẻ năm 2025 cho học sinh

2. Về nội dung thu-chi theo khoản 3 và 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND

2.1- Tiền học buổi 2

* Mức thu: 4.000 đồng/tháng/HS

* Ước thu: 1.259.832.000 đồng

		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
TS HS		208	193	213	234	244
Miễn giảm		12	6	7	8	10
Ước thu		196	187	203	226	234
Định mức 1hs (35 tuần)	9 tuần	70.560.000	980.000	980.000	1.400.000	1.400.000
	26 tuần	163.072.000				
Tổng thu 35 tuần		233.632.000	183.260.000	198.940.000	316.400.000	327.600.000

* **Nội dung chi:**

- Chi 80 % tổng số thu trong tháng cho giáo viên trực tiếp dạy lớp buổi thứ 2: Chi thực tế theo số tiết giáo viên dạy tăng tiết x số tiền 1 tiết (căn cứ vào phân công chuyên môn và số tiết giáo viên dạy hàng tháng)

- Chi nộp thuế: 2%

- Còn lại 18 % tổng số thu trong tháng chỉ cho các hoạt động:

+ Chi 10% cho hỗ trợ công tác quản lý dạy học 2 buổi/ngày: Hiệu trưởng 1.8%, PHT 3,4% (2 người, mỗi người 1,7%), TPT Đội (1%), Kế toán 1,5%, Thủ quỹ

1,2%, Phục vụ 0,44% (2 người, mỗi người 0,22%), Bảo vệ 0,66% (3 người, mỗi người 0,22%).

+ Chi 8% cho hoạt động, các nội dung khác phục vụ hoạt động dạy học 2 buổi/ngày (Chi thuê người phục vụ vệ sinh (2 người) là 10.000.000 đồng (91% trong số 8% hoạt động), còn lại 9% trong số 8% hoạt động chi tu sửa CSVC; chi phí điện, nước, phí ngân hàng, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2,...).

* Tính tiền 1 tiết tăng thêm theo từng khối lớp như sau:

Trung bình 1 tiết (theo khối lớp) = (Tổng số tiền chi trả cho giáo viên trong năm của khối lớp) : (số tiết tăng 1 lớp x số lớp trong khối).

Khối lớp	Ước tổng thu	Trả tăng tiết cho GV (80%)	Tổng số tiết tăng trong khối (số tiết tăng 1 lớp x số lớp trong khối)	Số lớp	Số tiền 1 tiết	Số tiền 1 tiết (làm tròn)
1	233.632.000	186.905.600	1.788	6	104.533	108.000
2	181.300.000	145.040.000	1.470	6	99.733	100.000
3	198.940.000	159.152.000	1.470	6	108.267	108.000
4	316.400.000	253.120.000	2.100	6	120.533	121.000
5	327.600.000	262.080.000	2.450	7	106.971	107.000

2.2- Tiền vệ sinh trường lớp:

* Mức thu: 11.000 đồng/tháng/HS

* Nội dung chi: Chi hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh của học sinh.

- Tổng số học sinh: 1092 học sinh.

+ Ước thu: 1147 học sinh

+ Miễn giảm: 45 học sinh

- Nội dung chi:

+ Ước thu (1 tháng): 11.000 đ x 1147 hs = 12.617.000 đ

+ Thuê mướn người dọn vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh: 2 người x 5.000.000 đ/tháng = 10.000.000 đồng/tháng

+ Thuế TNDN: 2%

+ Phần còn lại mua dụng cụ, vật dụng phục vụ công tác vệ sinh như: nước lau sàn, xà phòng, ...

2.3- Tiền phục vụ bán trú (đối với HS bán trú)

- Mức thu : 145.000 đồng/HS/tháng
- Số Học sinh bán trú: 654 học sinh
- Ước thu hàng tháng: $145.000 \text{ đ} \times 654 = 94.830.000 \text{ đồng}$
- Nội dung chi :

a) Chi phí nấu ăn

- | | | |
|--|---|---------------------------|
| 1. Bếp trưởng : 1 người x 6.500.000 đ/tháng | = | 6.500.000 đ/ tháng |
| 2. Bếp phó : 1 người x 5.000.000 đ/tháng | = | 5.000.000 đ/ tháng |
| 3. Cấp dưỡng : 5 người x 4.700.000 đ/tháng | = | 23.500.000 đ / tháng |
| 4. Tiền gas : 654 hs * 17.000 đ/tháng | = | 11.118.000 đ/ tháng |
| 5. Vệ sinh phí (nước rửa chén, lau sàn, giặt tay, xà phòng rửa tay... phục vụ nhà bếp, nhà ăn) | = | 2.663.559 đ/ tháng |
| | | <hr/> 48.781.559 đ/ tháng |

b) Chi phí bảo mẫu:

Bảo mẫu : 19 ng x 1.900.000 đ/tháng = 36.100.000 đ/tháng

c) Chi phí quản lý bán trú (8,5%): 8,013,135 đồng

+ BGH trực tiếp PT bán trú (1.7%); HT (1.3%); PHTCM (1.2%); Kế toán (1,2%); Thủ quỹ (1%); Y tế (1%); Bảo vệ (0.35% x 3 người)

d) Thuế TNDN: 2% (1,935,306 đồng)

e) Phí ngân hàng: 100.000 đồng

3. Đối với các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục do các đơn vị bên ngoài cung ứng.

3.1- Tiền mua thực phẩm/suất ăn(đối với HS bán trú)

- Mức thu : 32.000 đồng/HS/ngày (bữa trưa và xế)
- Chi 100% chi trả tiền thức ăn của học sinh 2 bữa ăn trưa và ăn xế

Trường thực hiện cân đối đảm bảo nguyên tắc thu đủ- bù chi, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn của học sinh.

3.2- Tiền tổ chức các lớp ngoại ngữ, năng khiếu:



3.2.1. Học sinh tham gia Bơi (chỉ dành cho học sinh đăng ký tham gia học):

- Mức thu : 700.000 đồng/HS/Khoá học (12 buổi)
- Hình thức thu : *Thu theo khoá học.*
- Nội dung chi: Trích nộp 100% số tiền thu cho Hồ bơi Thể Cường.

3.2.2. Học sinh tham gia học song ngữ

- Mức thu : 600.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu: Thu theo từng tháng
- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng
- Nội dung chi: Trích nộp 100% số tiền thu cho trung tâm ISMART.

3.2.3. Học sinh tham gia lớp kỹ năng sống:

- Mức thu : 60.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu: Thu theo từng tháng
- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng
- Nội dung chi: Trích nộp 100% số tiền thu cho trung tâm GAIA.

3.2.4. Học sinh tham gia hoạt động giao dục STEM+:

- Mức thu: 80.000 đồng/HS/tháng (*gồm tiền đồ dùng học tập và tiền học phí*)
- Hình thức thu : Thu theo từng tháng
- Thời gian thực hiện thu : Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng
- Nội dung chi: Trích nộp 100% số tiền thu cho trung tâm GAIA.

3.2.6. Học sinh tham gia hoạt động Câu lạc bộ Âm nhạc (hoặc các CLB khác tương đương):

- Mức thu: 30.000 đồng/HS/tháng
- Hình thức thu: Thu theo từng tháng
- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng
- Nội dung chi:
 - + Chi trả tiền dạy cho GV (80%) .
 - + Thuế DN: 2%
 - + Chi 10% cho hỗ trợ công tác quản lý: Hiệu trưởng 2%, PHT 3,6% (2 người, mỗi người 1,8%), TPT Đội (1%), Kế toán 1,6%, Thủ quỹ 1,3%, Phục vụ 0,6% (2 người, mỗi người 0,3%), Bảo vệ 0,9% (3 người, mỗi người 0,3%)).
 - + Chi 8% cho hoạt động, các nội dung khác phục vụ hoạt động trực tiếp công tác sinh hoạt CLB như mua sắm dụng cụ, khen thưởng, ...

3. Các khoản thu khác: Ngoài các khoản trên nhà trường không thu thêm một khoản nào khác. Không vận động tài trợ ủng hộ trường xây dựng CSVN và trang thiết bị.

Kế hoạch này được thông qua Ban giám hiệu nhà trường và báo cáo về Hội đồng trường, Chi ủy, Ban Đại diện cha mẹ học sinh và cán bộ giáo viên nhà trường./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT TP.TDM;
- UBND Phường Chánh Nghĩa;
- Chủ tịch hội đồng trường;
- BGH trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Kế toán;
- Lưu.VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Xuân

